TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/DS-ST
Ngày: 16/4/2025
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về ''Tranh chấp hợp đồng vay tài sản'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (VIỆT NAM); Trụ sở: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001. Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 09/12/2024). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thu H, sinh năm 1982. Địa chỉ: B Chung cư D, A N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 của Nguyên đơn Công ty T (VIỆT NAM) và các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Nguyễn Phước Q Giao trình bày:

Công ty T (VIỆT NAM) (Công ty T) và bà Trần Thu H (bà H) có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3034881 ngày 04/4/2022 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà H khoản vay trị giá

53.300.000 đồng với lãi suất 45%/năm. Ngày 07/4/2022, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà H. Bà Trần Thu H có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.724.227 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 01/5/2022 đến ngày 01/4/2025.

Sau khi được giải ngân, bà H đã thanh toán được 09 kỳ với tổng số tiền 24.640.135 đồng (trong đó gốc 8.061.505 đồng, lãi 16.470.630 đồng; phí 108.000 đồng). Từ ngày 01/02/2023, bà H đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân. Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà H biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà H vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán cho Công ty T1 số tiền tạm tính đến ngày 27/7/2023 là: 56.239.580 đồng. Đồng thời thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 28/7/2023 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Bị đơn bà Trần Thu H không đến tòa trình bày ý kiến dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 12 tháng 02 năm 2025, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, do Bị đơn không có thiện chí trả nợ và không đến Tòa làm việc, không có thiện chí hòa giải về tranh chấp nên đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, và đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định xét xử số 39/2025/QĐXXST–DS mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 19 tháng 3 năm 2025 nhưng Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Để tạo điều kiện cho Bị đơn đến Tòa án trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Phước Quỳnh G có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai, tóm tắt sao kê trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thu H thanh toán cho Công ty T1 số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là: 105.616.253 đồng. Trong đó: nợ gốc: 45.238.495 đồng, lãi trong hạn (từ ngày 01/02/2023 đến ngày 01/4/2025): 26.869.013 đồng, lãi quá hạn (từ ngày 01/02/2023 đến ngày 16/4/2025): 29.637.241 đồng, tiền lãi chậm trả: 3.871.504 đồng). Kể từ ngày 17/4/2025, bà Trần Thu H còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn Công ty T (VIỆT NAM) có đơn yêu cầu Bị đơn bà Trần Thu H trả tiền vay từ hợp đồng tín dụng còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Tại Kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: "Đương sự Trần Thu H, sinh năm 1982 hiện đang cư trú tại địa chỉ B Chung cư D, số A N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh" nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] *Về người tham gia tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 19 tháng 3 năm 2025, lần thứ hai ngày 16 tháng 4 năm 2025), nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc còn lại chưa thanh toán 45.238.495 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3034881 ngày 04/4/2022. Theo đó, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 53.300.000 đồng cho Bị đơn với mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân và đã giải ngân đủ số tiền 53.300.000 đồng cho Bị đơn vào ngày 07/4/2022. Theo bảng tóm tắt sao kê nợ chưa thanh toán của khách hàng Trần Thu H thì tính đến ngày 16 tháng 4 năm 2025, Bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 45.238.495 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3034881 ngày 04/4/2022 đã ký nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 45.238.495 đồng là phù hợp khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi:*

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của bà Trần Thu H, đối với số tiền vốn 45.238.495 đồng, lãi trong hạn (từ ngày 01/02/2023 đến ngày 01/4/2025): 26.869.013 đồng, lãi quá hạn (từ ngày 01/02/2023 đến ngày 16/4/2025): 29.637.241 đồng, tiền lãi chậm trả: 3.871.504 đồng). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N quy định: "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*". Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng N ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: "*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*".

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán giữa Nguyên đơn và Bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán đến ngày 16 tháng 4 năm 2025 tổng cộng là 60.377.758 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 01/02/2023, Bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 5.280.813 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (VIỆT NAM).

Buộc bà Trần Thu H có trách nhiệm trả cho Công ty T (VIỆT NAM) tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/4/2025 là: 105.616.253 đồng. Trong đó: nợ gốc: 45.238.495 đồng, lãi trong hạn: 26.869.013 đồng, lãi quá hạn: 29.637.241 đồng, tiền lãi chậm trả: 3.871.504 đồng.

Bà Trần Thu H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 cho Công ty T (VIỆT NAM) theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3034881 ngày 04/4/2022 đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Bà Trần Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.280.813 (năm triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm mười ba) đồng.

Hoàn lại Công ty T (VIỆT NAM) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.405.990 (một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn chín trăm chín mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002234 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Long